

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm điểm khi mới mở cửa phiên sáng, sau đó lực mua tại ngưỡng 1,315 đã giúp chỉ số tăng trở lại và đóng cửa tại mốc 1,330.32 điểm, tăng hơn 8 điểm so với phiên trước đó. 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Du lịch và giải trí, Dịch vụ tài chính. Nhóm cổ phiếu Vin và một số cổ phiếu Ngân hàng đóng vai trò trụ đỡ cho thị trường. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản ủng hộ đà hồi phục của VN-Index trong phiên; thị trường đã trở lại ngưỡng 1,330, tuy nhiên vẫn cần thêm một phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản lớn để xác nhận vượt qua ngưỡng kháng cự này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.44** điểm, đóng cửa tại **1330.32** điểm. HNX-Index **+0.18** điểm, đóng cửa tại **246** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.71)**, **VHM (+3.26)**, **TCB (+1.15)**, **VCB (+0.69)**, **SHB (+0.68)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.60)**, **LPB (-0.47)**, **GVR (-0.39)**, **BCM (-0.35)**, **HDB (-0.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,108** tỷ đồng, tăng **14.13%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,536 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.59 điểm. Thị trường có **196** mã tăng, 83 mã tham chiếu, **249** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-718.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TPB (-161.02 tỷ)**, **LPB (-67.67 tỷ)**, **NVL (-59.24 tỷ)**, **DBC (-54.52 tỷ)**, **HDB (-51.55 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.08** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.46%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VHM (+6.32%)** ([Link báo cáo](#))
 - DBC (+4.35%)** ([Link báo cáo](#))
 - TCB (+2.38%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.04%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VIC (+6.98%)**
 - VRE (+3.79%)**
 - DPG (+3.77%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.46%	-0.04%	0.64%	0.90%
1 tuần	-1.32%	-0.96%	-0.44%	-0.30%
1 tháng	-0.43%	-0.33%	2.59%	2.73%
3 tháng	-0.56%	3.26%	5.55%	5.10%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,330.32	246.00	99.18
% 1D	0.64%	0.07%	-0.14%
GTGD (tỷ VND)	17,108	832	523
%1D	14.13%	24.90%	-3.85%
GDNN (tỷ VND)	-718.92	-6.08	-28.36

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPI	75.65	TPB	-161.02
VRE	44.82	LPB	-67.67
VHM	32.68	NVL	-59.24
APG	27.44	DBC	-54.52
PDR	26.34	HDB	-51.55

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,668	0.08%	0.51%
FTSE100	8,690	0.49%	0.11%
Eurostoxx	5,450	0.49%	0.31%
Shanghai	3,370	0.15%	-1.64%
Nikkei	37,620	-0.15%	0.60%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

Hàng hóa

Giá dầu Brent	72.07	-0.12%
Giá vàng	3,028	0.22%

Tỷ giá

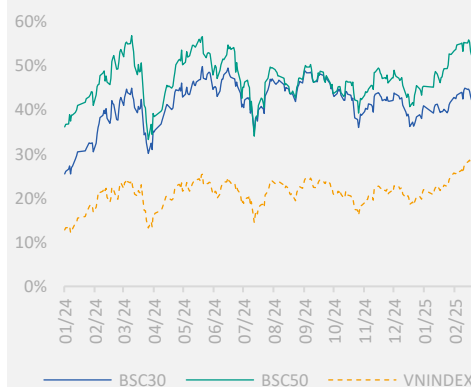
USD/VND	25,825	0.25%
EUR/VND	28,535	0.19%
JPY/VND	175	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	3.0%	-0.03%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

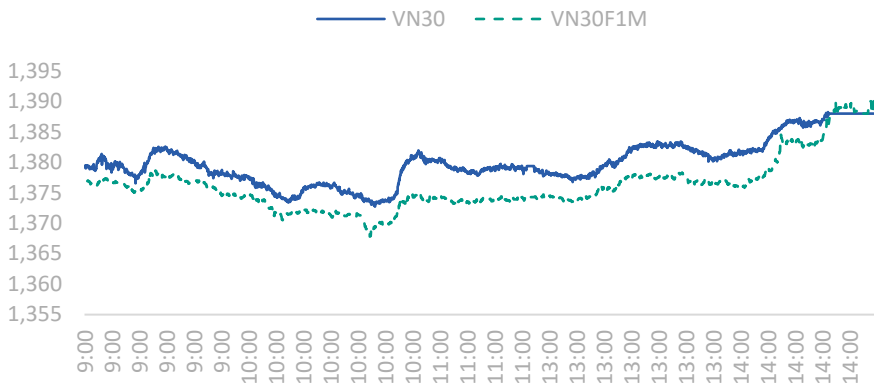
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1384.60	1.02%	64	23%	9/18/2025	178
VN30F2504	1390.00	1.17%	205,880	47%	4/17/2025	24
VN30F2505	1388.30	1.11%	598	604%	5/15/2025	52
VN30F2506	1385.80	1.30%	112	-21%	6/19/2025	87

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +12.43 điểm, đóng cửa tại 1390.7 điểm. Biên độ dao động 17.99 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, TCB, SHB, ACB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng lên ngưỡng 1,390 điểm sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,374-1,380 điểm. Thanh khoản thị trường tăng trên đường MA20, basic thu hẹp. Chiến lược là Long/Short linh hoạt.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2410	3/28/2025	4	309,300	-85.58%	4.80	520	225.0%	9.30	7.40	51.30	51.30
CVPB2411	3/28/2025	4	249,900	-88.74%	2.17	20	100.0%	8.72	2.21	19.60	19.60
CVHM2407	4/28/2025	35	256,500	-82.88%	4.90	970	79.6%	11.61	8.78	51.30	51.30
CTCB2405	3/28/2025	4	75,400	-86.12%	2.69	240	71.4%	5.06	3.89	28.00	28.00
CVIC2406	3/28/2025	4	316,100	-76.12%	4.69	1,770	68.6%	10.40	13.54	56.70	56.70
CVHM2504	6/30/2025	98	34,900	-77.41%	4.45	3,570	48.8%	23.45	11.59	51.30	51.30
CVIC2407	6/30/2025	98	286,200	-73.55%	4.90	2,020	47.4%	10.37	15.00	56.70	56.70
CVRE2410	6/30/2025	98	568,900	-83.97%	2.19	220	46.7%	4.25	3.07	19.15	19.15
CMBB2408	3/28/2025	4	125,600	-85.13%	2.78	170	41.7%	4.32	3.63	24.40	24.40
CVRE2405	4/28/2025	35	847,000	-84.75%	1.90	510	41.7%	8.63	2.92	19.15	19.15
CVIC2503	6/30/2025	98	26,200	-69.58%	4.26	4,330	39.7%	17.50	17.25	56.70	56.70
CVIC2404	4/28/2025	35	57,400	-68.71%	4.30	3,360	37.7%	13.10	17.74	56.70	56.70
CVHM2411	6/30/2025	98	206,900	-79.72%	5.06	1,070	37.2%	9.26	10.41	51.30	51.30
CVHM2406	7/28/2025	126	37,900	-78.40%	5.00	1,520	35.7%	11.60	11.08	51.30	51.30
CShB2403	6/30/2025	98	350,400	-72.96%	1.23	1,060	34.2%	5.59	3.35	12.40	12.40
CVIC2405	7/28/2025	126	70,400	-65.82%	4.30	3,770	32.3%	13.12	19.38	56.70	56.70
CTPB2405	6/30/2025	98	23,100	-81.10%	1.90	210	31.3%	3.16	2.74	14.50	14.50
CVIC2502	10/27/2025	217	146,800	-64.46%	4.50	3,130	31.0%	10.47	20.15	56.70	56.70
CShB2402	3/28/2025	4	205,300	-73.12%	1.13	1,100	31.0%	5.63	3.33	12.40	12.40
CVHM2501	5/26/2025	63	1,354,300	-72.32%	4.20	2,000	30.7%	9.43	14.20	51.30	51.30

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2410 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 225.00%. CACB2504 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.48%.
- CFPT2404, CVHM2503, CTCB2504, CVHM2408, CVIC2501 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CMWG2506, CVIB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	56.70	6.98%	4.23
VHM	51.30	6.32%	3.10
TCB	28.00	2.38%	2.84
SHB	12.40	5.53%	1.99
ACB	26.35	0.96%	0.95

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	34.15	-1.87%	-1.69
HDB	22.65	-1.52%	-0.84
VIB	19.95	-1.72%	-0.62
TPB	14.50	-1.69%	-0.30
SSB	19.75	-0.50%	-0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	56.70	6.98%	3.71	3.82
VHM	51.30	6.32%	3.26	4.11
TCB	28.00	2.38%	1.15	7.06
VCB	66.50	0.76%	0.69	5.59
SHB	12.40	5.53%	0.68	4.07

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

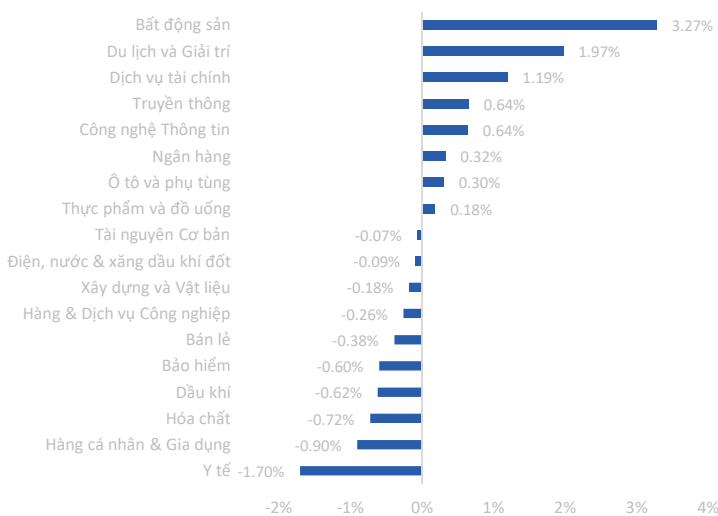
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	76.60	3.79%	0.55	0.30
BAB	12.10	3.42%	0.25	0.96
SHS	15.10	2.72%	0.21	0.81
MBS	31.40	1.62%	0.18	0.57
VIF	19.30	3.76%	0.16	0.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	56.70	6.98%	3.59	13.83
VAF	19.35	6.91%	0.01	0.00
NVT	8.24	6.87%	0.01	0.04
L10	20.35	6.82%	0.00	0.00
HVH	10.20	6.81%	0.01	1.55

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	12.40	9.73%	0.02	0.00
VIT	21.80	9.55%	0.35	0.00
HKT	7.20	9.09%	0.01	0.00
PGT	8.50	8.97%	0.02	0.03
AME	6.20	8.77%	0.12	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	39.10	-0.89%	-0.60	7.02
LPB	34.15	-1.87%	-0.47	2.99
GVR	34.15	-1.16%	-0.39	4.00
BCM	77.30	-1.78%	-0.35	1.04
HDB	22.65	-1.52%	-0.30	3.50

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

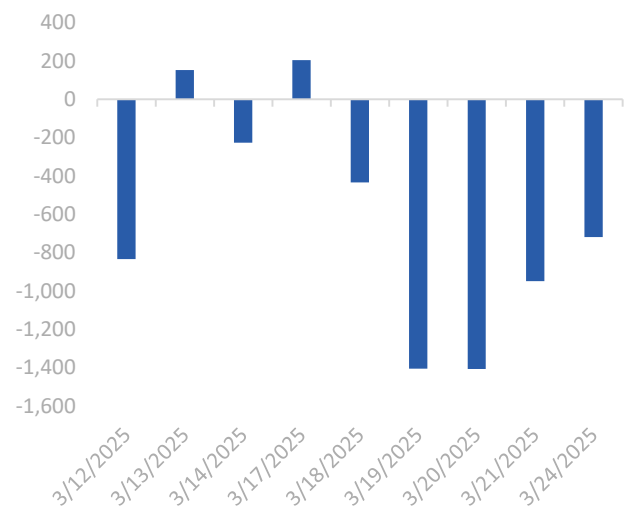
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	184.50	-3.40%	-0.80	0.20
NVB	12.40	-3.88%	-0.36	1.17
THD	36.20	-3.47%	-0.31	0.38
PVS	32.60	-1.21%	-0.12	0.48
NTP	66.30	-1.49%	-0.09	0.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ORS	10.65	-6.99%	-0.06	4.66
IMP	48.00	-6.98%	-0.12	1.11
DTA	5.27	-6.89%	0.00	0.03
GMH	7.50	-6.83%	0.00	0.00
FUCTVGF5	12.00	-5.88%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	19.00	-9.52%	-0.04	0.00
ATS	15.10	-9.04%	-0.02	0.00
HAD	14.60	-8.75%	-0.02	0.00
PV2	3.30	-8.33%	-0.03	1.41
MDC	12.90	-7.86%	-0.07	0.11

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.3	0.0%	1.8	88,127	225.5	2,544	23.7		45.8%	
KBC	Bất động sản	29.2	0.0%	1.7	22,414	88.7	555	52.6		19.3%	
KDH	Bất động sản	32.6	0.6%	1.1	32,761	56.6	862	37.6		35.9%	
PDR	Bất động sản	20.0	-1.5%	2.1	17,725	494.0	643	31.6	23,600	8.1%	Link
VHM	Bất động sản	51.3	6.3%	1.1	198,183	781.8	7,286	6.6	58,200	12.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	129.0	0.8%	1.0	188,297	653.5	5,371	23.8	163,000	42.9%	Link
BSR	Dầu khí	19.4	-0.8%	0.0	60,460	31.3	202	96.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.6	-1.2%	1.1	15,773	56.8	2,473	13.4	40,300	17.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	32.4	1.7%	1.8	22,931	313.9	1,571	20.3		43.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	27.2	2.1%	1.6	52,186	665.9	1,536	17.3		38.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.5	0.9%	1.7	28,078	379.2	1,537	25.4		29.6%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.2%	1.2	18,000	39.2	2,682	12.7	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	104.0	-0.9%	1.5	39,839	223.6	7,864	13.3	111,400	16.0%	Link
ACB	Ngân hàng	26.4	1.0%	0.8	116,580	220.4	3,759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.1	-0.9%	1.0	276,993	146.1	3,571	11.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.8	0.4%	1.1	223,660	313.5	4,720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.7	-1.5%	1.0	80,386	299.2	3,667	6.3		17.3%	
MBB	Ngân hàng	24.4	0.4%	1.0	148,285	445.4	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.9	0.9%	1.2	30,680	171.0	2,123	5.6	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	38.6	-0.1%	1.1	72,864	383.3	5,351	7.2		21.9%	
TCB	Ngân hàng	28.0	2.4%	1.3	193,224	685.4	3,054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.5	-1.7%	1.2	38,969	430.7	2,299	6.4	-	28.1%	Link
VCB	Ngân hàng	66.5	0.8%	0.4	551,476	137.1	4,049	16.3		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.0	-1.7%	1.1	60,476	907.8	2,424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.6	0.5%	1.0	154,712	437.0	1,989	9.8	25,500	24.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	0.0%	1.2	173,658	527.9	1,879	14.5	37,500	21.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.8	0.3%	1.7	10,991	69.4	935	18.9	22,700	7.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.0	4.4%	1.8	9,622	296.2	2,712	10.6	31,000	6.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.5	0.9%	1.3	97,664	165.7	1,345	50.5		25.4%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.4	0.2%	0.5	128,114	156.0	4,494	13.6		50.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.5	0.51%	2.0	8,602	39.9	2,042	19.2	19.0%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	172.0	-2.27%	1.0	23,979	67.5	2,331	75.5	33.1%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	52.2	-0.57%	1.0	38,972	27.3	2,809	18.7	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.0	-1.24%	1.8	12,319	306.5	172	117.3	4.0%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.6	0.00%	1.8	14,413	212.2	349	47.4	20.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.4	-1.12%	1.6	4,762	132.3	377	70.8	3.1%	3.1%	
HDG	Bất động sản	26.9	-0.92%	1.4	9,115	64.1	1,714	15.8	19.5%	9.4%	
IDC	Bất động sản	54.2	0.56%	1.2	17,787	43.7	6,050	8.9	20.7%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.2	-0.29%	1.5	13,208	99.4	1,346	25.5	38.4%	5.4%	
SIP	Bất động sản	89.8	-0.33%	0.0	18,969	26.8	5,555	16.2	6.1%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.2	-0.11%	1.5	7,955	58.1	1,809	24.4	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.7	1.73%	1.9	11,594	128.0	1,466	11.8	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	56.7	6.98%	1.2	202,654	771.0	3,026	17.5	9.3%	9.3%	
VRE	Bất động sản	19.2	3.79%	1.0	41,924	374.2	1,802	10.2	18.1%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.2	-0.72%	1.0	8,769	14.8	1,478	28.1	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.3	-0.12%	0.9	52,475	25.4	2,275	18.2	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	22.8	-1.94%	1.1	12,924	121.4	1,255	18.5	8.7%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	51.5	2.39%	2.0	15,388	146.9	1,869	26.9	30.0%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	31.4	1.62%	1.8	17,699	109.8	1,583	19.5	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.2	-0.74%	0.6	158,599	80.4	4,439	15.3	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	2.41%	0.9	29,156	128.8	535	23.3	3.7%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.0	0.70%	1.0	33,677	23.3	4,237	16.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.6	0.00%	0.3	52,320	74.4	2,632	36.7	12.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.3	0.22%	2.0	19,982	133.5	1,910	12.2	8.0%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.0	-0.67%	0.7	24,959	64.0	4,629	12.8	41.6%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.7	-0.20%	1.5	6,599	86.8	4,656	10.9	10.4%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.0	-1.19%	1.2	9,007	36.9	3,071	8.2	11.9%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	143.6	-1.91%	0.0	17,829	38.4	3,144	46.6	6.7%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.5	-1.23%	0.8	30,276	32.2	6,305	14.2	48.4%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	39.8	-1.12%	0.6	4,100	53.6	2,710	14.9	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.2	-1.40%	1.1	2,636	14.9	2,575	8.4	16.0%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.2	-0.71%	1.3	13,873	48.9	1,518	23.4	8.9%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.2	-1.16%	1.9	138,200	86.3	1,053	32.8	0.7%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.1	0.50%	1.2	37,254	116.0	1,786	11.2	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	-1.87%	0.6	103,957	276.3	3,254	10.7	0.9%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.9	-2.60%	0.0	23,745	26.3	2,702	6.4	2.0%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.2	1.36%	1.1	27,124	272.2	1,287	8.6	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.4	-0.32%	1.8	6,915	57.3	1,396	11.1	5.8%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.6	-0.90%	1.7	4,460	21.6	182	92.1	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.0	0.46%	0.6	7,852	110.1	1,584	20.7	3.6%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.9	-0.80%	1.2	64,513	85.6	3,376	14.9	59.9%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	66.8	0.00%	1.4	14,993	25.9	5,496	12.2	25.2%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	120.0	-0.66%	1.3	9,889	7.6	12,103	10.0	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.2	-0.92%	1.8	8,694	58.1	3,734	23.3	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	108.0	1.89%	1.0	12,125	24.7	4,709	22.5	8.0%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.9	3.77%	1.8	3,090	99.2	3,545	13.8	6.6%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-0.80%	1.8	5,382	58.5	937	13.3	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-1.29%	1.5	8,297	31.5	1,287	18.0	15.7%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.1	0.72%	1.8	12,541	90.3	1,579	13.3	6.2%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.9	-1.55%	1.6	23,180	48.4	2,464	21.0	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>